

## ĐỀ ÁN TUYỂN SINH ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY NĂM 2017

### 1. Thông tin chung về Học viện

#### 1.1. Tên trường, sứ mệnh, địa chỉ các trụ sở (Cơ sở đào tạo) và website

1.1.1. Tên trường: HỌC VIỆN CÔNG NGHỆ BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG (Tên tiếng Anh: POSTS AND TELECOMMUNICATIONS INSTITUTE OF TECHNOLOGY, viết tắt: PTIT)

#### CƠ SỞ ĐÀO TẠO PHÍA BẮC (BVH)

Km 10 Đường Nguyễn Trãi, Quận Hà Đông, Hà Nội

ĐT: (04) 33528122, (04) 33512252; Fax: (04) 33829236

Website: <http://ptit.edu.vn> và <http://tuyensinh.ptit.edu.vn>

#### CƠ SỞ ĐÀO TẠO PHÍA NAM (BVS)

Số 11 Nguyễn Đình Chiểu, Phường ĐaKao, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

ĐT: (08) 38297220; Fax: (08) 39105510

Website: <http://ptithcm.edu.vn> và <http://tuyensinh.ptit.edu.vn>

#### 1.1.2. Giới thiệu về Học viện

Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông là trường đại học công lập trực thuộc Bộ Thông tin và Truyền thông bao gồm 2 Cơ sở đào tạo tại Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh, các Viện nghiên cứu khoa học – chuyển giao công nghệ đầu ngành trong lĩnh vực viễn thông, công nghệ thông tin và truyền thông.

Học viện là cơ sở đào tạo, nghiên cứu khoa học và công nghệ có cơ cấu đa ngành, đa lĩnh vực, chất lượng cao, trong đó tập trung vào lĩnh vực Viễn thông, Công nghệ thông tin và Truyền thông (*ICT - luôn là thế mạnh của Học viện với 20 năm kinh nghiệm gắn kết chặt chẽ đào tạo với nghiên cứu khoa học và nhu cầu nguồn nhân lực của doanh nghiệp*); có chương trình, nội dung, phương pháp đào tạo, nghiên cứu khoa học tiên tiến; có đội ngũ cán bộ giảng dạy, nghiên cứu trình độ cao; có đội ngũ cán bộ quản lý chuyên nghiệp và đồng bộ; kết hợp chặt chẽ giữa đào tạo với nghiên cứu khoa học và triển khai ứng dụng, giữa khoa học và công nghệ để đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao và bồi dưỡng nhân tài khoa học, công nghệ; định hướng phát triển thành đại học nghiên cứu ngang tầm với các đại học có uy tín trong khu vực và trên thế giới.

Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông hoạt động theo cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm cao; chịu sự quản lý Nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo về giáo dục và đào tạo, của Bộ Thông tin và Truyền thông về cơ cấu tổ chức và chuyên môn theo quy định của

Chính phủ và phù hợp với pháp luật. Các cơ sở đào tạo, viện nghiên cứu, trung tâm bồi dưỡng đào tạo bồi dưỡng ngắn hạn thuộc Học viện có quyền tự chủ cao, có tư cách pháp nhân được quy định trong Luật Giáo dục, Luật Giáo dục đại học.

### Sứ mạng

Là trường trọng điểm quốc gia trong lĩnh vực ICT, đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, trình độ cao, bồi dưỡng nhân tài; nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và chuyển giao tri thức đa ngành, đa lĩnh vực, đặc biệt trong lĩnh vực viễn thông, công nghệ thông tin và truyền thông; góp phần xây dựng, phát triển và bảo vệ đất nước; làm nòng cốt trong hệ thống giáo dục đại học Việt Nam.

### Tầm nhìn tới năm 2020

Trở thành cơ sở giáo dục đại học định hướng nghiên cứu, đa ngành, đa lĩnh vực có tính hội nhập cao, trong đó, một số khoa, viện nghiên cứu thuộc các lĩnh vực khoa học công nghệ cao như viễn thông, công nghệ thông tin đạt trình độ tiên tiến Châu Á.

**"... PTIT kết nối tri thức và mang đến cho người học sự trưởng thành về nhân cách và năng lực"**

### 1.2. Quy mô đào tạo

Nhóm ngành	Quy mô đào tạo hiện tại			
	Đại học		CĐSP	
	GD chính quy	GDTX	GD chính quy	GDTX
Nhóm ngành III (khối Kinh tế và QTKD)	NCS:5; CH:129; ĐH:2.595; CĐ:265	ĐH:656		
Nhóm ngành V (khối Kỹ thuật)	NCS:79; CH:338; ĐH: 6.607; CĐ: 367	ĐH:506		
Nhóm ngành VII (khối đa phương tiện)	ĐH: 1.462			
<b>Tổng</b>				

### 1.3. Thông tin về tuyển sinh chính quy của 2 năm gần nhất

#### 1.3.1. Phương thức tuyển sinh của 2 năm gần nhất:

Học viện sử dụng kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT quốc gia năm 2015, 2016 tại cụm thi do các trường đại học chủ trì để thực hiện xét tuyển.

#### 1.3.2. Điểm trúng tuyển của 2 năm gần nhất

Nhóm ngành/ Ngành/ tổ hợp xét tuyển	Năm tuyển sinh 2015								Năm tuyển sinh 2016							
	Chỉ tiêu			Số trúng tuyển			Điểm TT		Chỉ tiêu			Số trúng tuyển			Điểm TT	
	Tổng	BVH	BVS	Tổng	BVH	BVS	BVH	BVS	Tổng	BVH	BVS	Tổng	BVH	BVS	BVH	BVS
Nhóm ngành III																
- Ngành 1: 52340101	300	200	100	295	186	109			240	180	60	197	155	42		
Tổ hợp: A00				222	142	80	21,0	19,75				160	126	34	21,0	19,75
Tổ hợp: A01				31	14	17	21,0	19,75				16	11	5	21,0	19,75
Tổ hợp: D01				42	30	12	21,0	19,75				21	18	3	21,0	19,75



Nhóm ngành/ Ngành/ tổ hợp xét tuyển	Năm tuyển sinh 2015								Năm tuyển sinh 2016							
	Chỉ tiêu			Số trúng tuyển			Điểm TT		Chỉ tiêu			Số trúng tuyển			Điểm TT	
	Tổng	BVH	BVS	Tổng	BVH	BVS	BVH	BVS	Tổng	BVH	BVS	Tổng	BVH	BVS	BVH	BVS
- Ngành 2: 52340115	230	170	60	171	117	54			180	120	60	165	111	54		
Tổ hợp: A00				97	73	24	21,0	19,75				117	85	32	21,5	19,75
Tổ hợp: A01				30	14	16	21,0	19,75				21	9	12	21,5	19,75
Tổ hợp: D01				44	30	14	21,0	19,75				27	17	10	21,5	19,75
- Ngành 3: 52340301	320	200	120	315	198	117			260	180	80	203	149	54		
Tổ hợp: A00				232	153	79	21,25	19,25				166	125	41	21,25	19,25
Tổ hợp: A01				32	13	19	21,25	19,25				10	7	3	21,25	19,25
Tổ hợp: D01				51	32	19	21,25	19,25				27	17	10	21,25	19,25
<b>Nhóm ngành V</b>																
- Ngành 1: 52520207	600	460	140	582	437	145			550	420	130	430	335	95		
Tổ hợp: A00				531	410	121	22,25	19,75				398	317	81	22,0	19,0
Tổ hợp: A01				51	27	24	22,25	19,75				32	18	14	22,0	19,0
- Ngành 2: 52510301	350	220	130	329	216	113			330	210	120	337	227	110		
Tổ hợp: A00				287	197	90	21,75	19,25				306	207	99	21,75	19,0
Tổ hợp: A01				42	19	23	21,75	19,25				31	20	11	21,75	19,0
- Ngành 3: 52480201	880	680	200	802	604	198			800	620	180	576	401	175		
Tổ hợp: A00				720	550	170	23,75	21,00				513	364	149	23,75	20,5
Tổ hợp: A01				82	54	28	23,75	21,00				63	37	26	23,75	20,5
- Ngành 4: 52480299	270	200	70	257	187	70			270	200	70	236	175	61		
Tổ hợp: A00				225	170	55	23,00	20,00				205	158	47	23,00	20,00
Tổ hợp: A01				32	17	15	23,00	20,00				31	17	14	23,00	20,00
<b>Nhóm ngành VII</b>																
- Ngành 5: 52480203	450	320	130	389	257	132			290	210	80	242	170	72		
Tổ hợp: A00				289	207	82	22,5	20,25				164	132	32	22,5	19,75
Tổ hợp: A01				68	33	35	22,5	20,25				55	29	26	22,5	19,75
Tổ hợp: D01				32	17	15	22,5	20,25				23	9	14	22,5	19,75
- Ngành 1: 52320104	80	80	0	84	84	0		0	80	80	0	60	60	0		0
Tổ hợp: A00				63	63		22,0					39	39		22,25	
Tổ hợp: A01				10	10		22,0					10	10		22,25	
Tổ hợp: D01				11	11		22,0					11	11		22,25	
<b>Tổng</b>	<b>3400</b>	<b>2450</b>	<b>950</b>	<b>3224</b>	<b>2286</b>	<b>938</b>			<b>3000</b>	<b>2220</b>	<b>780</b>	<b>2446</b>	<b>1783</b>	<b>663</b>		

## 2. Các thông tin tuyển sinh năm 2017

**2.1. Đối tượng tuyển sinh:** Các thí sinh đã tốt nghiệp Trung học phổ thông (theo hình thức giáo dục chính quy hoặc giáo dục thường xuyên) hoặc đã tốt nghiệp trung cấp (người tốt nghiệp trung cấp nhưng chưa có bằng tốt nghiệp THPT phải có chứng chỉ công nhận hoàn thành các môn văn hóa trong chương trình giáo dục THPT); và tham dự kỳ thi tốt nghiệp THPT quốc gia năm 2017 với các bài thi/môn theo tổ hợp tương ứng các ngành của Học viện.

**2.2. Phạm vi tuyển sinh:** Học viện tuyển sinh trên phạm vi cả nước.

### 2.3. Phương thức xét tuyển:

- Học viện Công nghệ Bru chính Viện thông chỉ sử dụng duy nhất kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT quốc gia năm 2017 để thực hiện xét tuyển thí sinh trúng tuyển vào đại học;
- Thí sinh đăng ký xét tuyển theo ngành và theo một trong các tổ hợp môn thi tương ứng (Cột 5 bảng chỉ tiêu dưới đây);
- Không giới hạn số ngành khi thí sinh đăng ký xét tuyển nhưng phải sắp xếp nguyện vọng theo thứ tự ưu tiên từ cao xuống thấp (nguyện vọng 1 là nguyện vọng cao nhất).

### 2.4. Chỉ tiêu tuyển sinh:

Tổng chỉ tiêu là **3.050** trong đó dự kiến phân bổ như sau:

#### 2.4.1. CƠ SỞ ĐÀO TẠO PHÍA BẮC (Mã trường: BVH)

Địa chỉ: Km10 Đường Nguyễn Trãi, Quận Hà Đông, Hà Nội

TT	Ngành đào tạo	Mã ngành	Chỉ tiêu	Tổ hợp xét tuyển
	<b>Trình độ đại học</b>		<b>2.320</b>	
1	Kỹ thuật điện tử, truyền thông	52520207	400	Toán, Lý, Hóa (Khối A cũ); Toán, Lý, Anh (Khối A1 cũ).
2	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	52510301	250	
3	Công nghệ thông tin	52480201	620	
4	An toàn thông tin	52480299	200	
5	Công nghệ đa phương tiện	52480203	220	Toán, Lý, Hóa (Khối A cũ); Toán, Lý, Anh (Khối A1 cũ); Toán, Văn, Anh (Khối D1 cũ).
6	Quản trị kinh doanh	52340101	180	
7	Marketing	52340115	160	
8	Kế toán	52340301	190	
9	Truyền thông đa phương tiện	52320104	100	

#### 2.4.2. CƠ SỞ ĐÀO TẠO PHÍA NAM (Mã trường: BVS)

Địa chỉ: Số 11 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Đakao, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

TT	Ngành đào tạo	Mã ngành	Chỉ tiêu	Tổ hợp xét tuyển
	<b>Trình độ đại học</b>		<b>730</b>	
1	Kỹ thuật điện tử, truyền thông	52520207	120	Toán, Lý, Hóa (Khối A cũ); Toán, Lý, Anh (Khối A1 cũ).
2	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	52510301	120	
3	Công nghệ thông tin	52480201	170	
4	An toàn thông tin	52480299	70	
5	Công nghệ đa phương tiện	52480203	70	Toán, Lý, Hóa (Khối A cũ); Toán, Lý, Anh (Khối A1 cũ); Toán, Văn, Anh (Khối D1 cũ).
6	Quản trị kinh doanh	52340101	60	
7	Marketing	52340115	60	
8	Kế toán	52340301	60	

### 2.5. Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào, điều kiện nhận ĐKXT:

- Sau khi Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào đại học thì Học viện sẽ thông báo mức điểm nhận hồ sơ đăng ký xét tuyển vào đại học của Học viện.
- Ngoài mức điểm nhận hồ sơ đăng ký xét tuyển nêu trên, Học viện **không sử dụng thêm bất kỳ điều kiện nào** về điểm học bạ hay kết quả học tập THPT trước khi xét tuyển.

## **2.6. Các thông tin quan trọng khi thí sinh đăng ký xét tuyển vào Học viện:**

### **a) Chính sách học bổng:**

Năm 2017, Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông tiếp tục duy trì và áp dụng chính sách học bổng **miễn, giảm từ 50% đến 100% học phí** trong năm học đầu tiên cho các thí sinh có kết quả thi THPT quốc gia cao. Cụ thể:

- **Miễn 100% học phí** trong năm học thứ nhất cho thí sinh đạt kết quả thi **từ 27,0 điểm trở lên** (*điểm theo 3 môn thi/bài thi xét tuyển và điểm ưu tiên*) trong kỳ thi tốt nghiệp THPT quốc gia năm 2017.
- **Miễn 50% học phí** trong năm học thứ nhất cho thí sinh đạt kết quả thi **từ 25,0 điểm đến 26,75 điểm** (*điểm theo 3 môn thi/bài thi xét tuyển và điểm ưu tiên*) trong kỳ thi tốt nghiệp THPT quốc gia năm 2017.
- Ngoài ra, sinh viên còn có nhiều cơ hội để được nhận các xuất học bổng của nhiều doanh nghiệp hàng đầu như VNPT, Mobifone, Viettel, Samsung, FPT, AGR, ...

### **b) Nguyên tắc xét tuyển:**

- Xét tuyển theo ngành và theo tổ hợp môn thi/bài thi xét tuyển;
- Điểm trúng tuyển của các tổ hợp môn thi/bài thi trong cùng một ngành là bằng nhau;
- Xét trúng tuyển từ thí sinh có kết quả cao xuống và đảm bảo chất lượng tuyển sinh;
- Xét tuyển các nguyện vọng bình đẳng theo kết quả thi (*điểm trúng tuyển giữa các nguyện vọng là bằng nhau*), nếu thí sinh không trúng tuyển nguyện vọng ở thứ tự ưu tiên thứ nhất (nguyện vọng 1) thì sẽ được tự động xét tuyển ở nguyện vọng ưu tiên thứ hai (nguyện vọng 2) và kế tiếp (*giống như năm 2015 và 2016*);
- Thí sinh chỉ trúng tuyển vào 1 nguyện vọng ưu tiên cao nhất trong danh sách các nguyện vọng đã đăng ký, khi đã trúng tuyển ở nguyện vọng nào thì không được xét tuyển tiếp ở nguyện vọng sau;
- Điểm trúng tuyển được tính theo thang điểm 10 trên tổng điểm tối đa của 3 bài thi/môn thi trong tổ hợp xét tuyển là 30;
- Các điều kiện khác thực hiện theo Quy chế tuyển sinh đại học hệ chính quy hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

c) Học viện không sử dụng kết quả miễn thi bài thi môn ngoại ngữ, không sử dụng tiêu chí phụ để xét tuyển.

## **2.7. Tổ chức tuyển sinh:**

- Thời gian xét tuyển: *Theo lịch xét tuyển của Bộ Giáo dục và Đào tạo*
- Hình thức nhận hồ sơ ĐKXT: *Theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo*



- Các điều kiện xét tuyển: *Không tổ chức sơ tuyển*
- Ngành, mã ngành, tổ hợp xét tuyển:

TT	Ngành đào tạo	Mã ngành	Tổ hợp xét tuyển
1	Kỹ thuật điện tử, truyền thông	52520207	A00, A01
2	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	52510301	A00, A01
3	Công nghệ thông tin	52480201	A00, A01
4	An toàn thông tin	52480299	A00, A01
5	Quản trị kinh doanh	52340101	A00, A01, D01
6	Marketing	52340115	A00, A01, D01
7	Kế toán	52340301	A00, A01, D01
8	Công nghệ đa phương tiện	52480203	A00, A01, D01
9	Truyền thông đa phương tiện	52320104	A00, A01, D01

**Ghi chú:**

Tổ hợp A00: Toán, Lý Hóa;

Tổ hợp A01: Toán, Lý, Tiếng Anh;

Tổ hợp D01: Toán, Văn, Tiếng Anh.

**2.8. Chính sách ưu tiên:**

- Học viện thực hiện chính sách ưu tiên về đối tượng, khu vực theo Quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT;
- Học viện thực hiện tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển theo Quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT (có thông báo riêng);
- Học viện tuyển thẳng đối với các thí sinh có kết quả thi 3 môn thi/bài thi tốt nghiệp THPT quốc gia năm 2017 (tương ứng với tổ hợp xét tuyển của ngành xét tuyển) từ 27,0 điểm (hai mươi bảy điểm) trở lên; thí sinh tuyển thẳng được miễn 100% học phí trong năm học đầu tiên.

**2.9. Lệ phí xét tuyển: theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo**

**2.10. Học phí dự kiến với sinh viên chính quy:**

- Học phí trình độ đại học hệ chính quy chương trình đại trà năm học 2017 – 2018: khoảng từ 14 triệu đến 15,5 triệu đồng/năm học.
- Lộ trình tăng học phí tối đa cho từng năm: thực hiện theo Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ và công bố công khai vào đầu mỗi năm học.

**2.11. Các nội dung khác:**

- Các chương trình đào tạo quốc tế: Liên kết đào tạo cấp bằng đại học quốc tế 3+1, 2+2, trao đổi sinh viên và đào tạo SĐH với các đại học nổi tiếng của Anh Quốc, NewZealand, Úc, Nhật Bản và Hoa Kỳ về các lĩnh vực Công nghệ thông tin, Quản trị tài chính và Kinh doanh quốc tế.

- Chương trình đào tạo chất lượng cao: Chương trình đào tạo Kỹ sư chất lượng cao về Công nghệ thông tin (*giảng dạy và học tập các môn chuyên ngành bằng tiếng Anh*) theo chuẩn quốc tế (*xét tuyển những thí sinh đã trúng tuyển kỳ thi tuyển sinh đại học chính quy của Học viện và có nguyện vọng tham dự chương trình*).

- Ký túc xá: Cơ sở phía Bắc có 200 chỗ, Cơ sở phía Nam có đầy đủ số chỗ cho sinh viên khóa mới.

### 3. Thông tin về các Điều kiện đảm bảo chất lượng chính

#### 3.1. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo và nghiên cứu:

##### 3.1.1. Thống kê các phòng thực hành, phòng thí nghiệm và các trang thiết bị

TT	Tên phòng	Các trang thiết bị chính
<b>I.</b>	<b>Phòng thí nghiệm</b>	
1.	Phòng thí nghiệm vật lý	Các thiết bị thí nghiệm vật lý - Khảo sát điện trường biến thiên theo thời gian - Khảo sát hiện tượng giao thoa ánh sáng và máy tính
2.	Phòng thí nghiệm vật lý	Các thiết bị thí nghiệm vật lý - Khảo sát điện trường biến thiên trong ống dây - Khảo sát hiện tượng nhiễu xạ ánh sáng và máy tính
3.	Phòng thí nghiệm vật lý	Các thiết bị thí nghiệm vật lý - Khảo sát chuyển động của điện tử trong điện từ trường - Khảo sát hiện tượng phân cực ánh sáng và máy tính
4.	Phòng thí nghiệm vật lý	Các thiết bị thí nghiệm vật lý - Khảo sát mạch dao động điện từ - Khảo sát hiện tượng quang điện và máy tính
5.	Phòng thí nghiệm Vật lý	Thiết bị cho bài khảo sát chuyển động quay-MMQTính; các Thiết bị cho bài sự phụ thuộc vào nhiệt độ - điện trở; Các Thiết bị cho bài đo, tương tác từ, dao động sang; các Bộ TN Vật lý BKM; Bộ TN nghiên cứu các quá trình nhiệt động và đo tỷ số Cp/Cv; Bộ TN khảo sát hiện tượng cảm ứng điện từ; Bộ TN khảo sát hiện tượng nhiễu xạ và ánh sáng phân cực; Các Bộ TN nghiên cứu hiện tượng bức xạ nhiệt, quang điện, nghiên cứu giao thoa, các bộ khảo sát mạch cộng hưởng, bức xạ nhiệt ...
<b>II.</b>	<b>Phòng thực hành</b>	
6.	Phòng thực hành Điện tử số	- Máy tính

<b>TT</b>	<b>Tên phòng</b>	<b>Các trang thiết bị chính</b>
		- Các Kit thực hành Điện tử số LabVolt - Máy hiện sóng - Máy phát sóng
7.	Phòng thực hành Điện tử tương tự	- Máy tính - Các Kit thực hành Điện tử tương tự - Các linh kiện điện tử - Máy hiện sóng - Máy phát sóng
8.	Phòng thực hành Đo lường Điện tử	- Máy tính - Các Kit thực hành linh kiện điện tử - Máy hiện sóng - Máy phát sóng
9.	Phòng thực hành mô phỏng vô tuyến	- Máy tính - Các thiết bị đo vô tuyến - Các phần mềm chuyên dụng
10.	Phòng thực hành mô phỏng mạch điện tử	- Máy tính - Các phần mềm chuyên dụng
11.	Phòng thực hành công nghệ phần mềm	- Máy tính - Các phần mềm chuyên dụng
12.	Phòng thực hành Tin học cơ sở	- Máy tính - Các phần mềm tin học văn phòng
13.	Phòng thực hành Toán ứng dụng	- Máy tính - Các phần mềm chuyên dụng - Máy hiện sóng - Máy phát sóng - Các KIT FPGA
14.	Phòng thực hành Thông tin vô tuyến 1	- Các máy đo vô tuyến - Trạm thu phát vô tuyến (BTS)
15.	Phòng thực hành Thông tin di động	- Các máy đo thiết bị đầu cuối - Trạm ghép WLL
16.	Phòng thực hành Hệ thống thông tin	- Máy tính - Các phần mềm chuyên dụng
17.	Phòng thực hành An toàn thông tin	- Máy tính - Các phần mềm mô phỏng chuyên dụng - Các thiết bị mạng chuyên dụng
18.	Phòng thực hành Thông tin quang	- Hệ thống ghép kênh - Hệ thống truyền dẫn SDH
19.	Phòng thực hành mô phỏng viễn thông 3	- Các máy tính - Các phần mềm mô phỏng chuyên dụng - Các thiết bị viễn thông chuyên dụng
20.	Phòng thực hành mô phỏng viễn thông	- Các máy tính



TT	Tên phòng	Các trang thiết bị chính
	1	- Các phần mềm mô phỏng chuyên dụng - Các thiết bị viễn thông chuyên dụng
21.	Phòng thực hành mô phỏng viễn thông 3	- Các máy tính - Các phần mềm mô phỏng chuyên dụng - Các thiết bị viễn thông chuyên dụng
22.	Phòng thực hành lắp ráp mạch số	- Máy hiện sóng - Máy phát sóng - Các thiết bị chuyên dụng phục vụ lắp mạch
23.	Phòng thực hành lắp ráp mạch tương tự	- Máy hiện sóng - Máy phát sóng - Các thiết bị chuyên dụng phục vụ lắp mạch
24.	Phòng thực hành công nghệ phần mềm 2	- Các máy tính - Các phần mềm mô phỏng chuyên dụng
25.	Phòng thực hành hệ thống thông tin 2	- Các máy tính - Các phần mềm mô phỏng chuyên dụng
26.	Phòng thực hành Đa phương tiện 2	- Các máy tính - Các phần mềm mô phỏng chuyên dụng
27.	Phòng thực hành Đa phương tiện 1	- Các máy tính - Các phần mềm mô phỏng chuyên dụng
28.	Phòng thực hành công nghệ phần mềm 3	- Các máy tính - Các phần mềm mô phỏng chuyên dụng
29.	Phòng thực hành quay phim	- Các thiết bị chuyên dụng cho Studio thu hình: máy quay, máy xử lý hình ảnh...
30.	Phòng thực hành thu âm	- Các thiết bị chuyên dụng cho Studio thu âm: máy ghi âm, máy xử lý âm thanh...
31.	Phòng thực hành Điện tử	Bộ thí nghiệm lập trình; các máy đo RLC, máy phát sóng điện, máy đếm đa năng tần số, bộ thiết bị ghép nối với máy tính, máy phát sóng chức năng, bộ thực hành mạch điện, bộ thực hành truyền thông, bộ thực hành về vi xử lý, PLC, thiết bị nguồn, thiết bị thực hành điện tử số ...
32.	Phòng thực hành điện tử truyền thông	Tổng đài EWSD, Tổng đài Starex –IMS, Trung tâm khai thác và bảo dưỡng tổng đài; Thiết bị truyền dẫn sợi quang và hệ thống cáp quang; Bộ thực hành sợi quang; Bộ dụng cụ sửa chữa cáp quang Fis Fiber Optic Toolkits; Máy đo quang OTDR EXFO; Máy phân tích phổ quang EXFO; Bộ thí nghiệm sợi quang; Thiết bị SMA 1K SDH System (1+1); Máy kiểm tra sợi quang OMK15; Máy phân tích mạng MP 1570A PDH/SDH/ATM; Máy vi ba số AWA; Máy đo điện thoại di động CDT-52; Bộ phân tích phổ tần số 2393A-9KHz-2615GHz; Máy phát sóng vi ba 10MHz-

TT	Tên phòng	Các trang thiết bị chính
		24GHz-6824
33.	Phòng thực hành vi tính	Các tổng đài chuyển mạch gói, thiết bị nối mạng Router Cisco, Máy trạm ESPRIMO, các máy chủ Server, máy tính mới với tốc độ cao ...
<b>III.</b>	<b>Phòng Lab</b>	
34.	Phòng Lab học máy và ứng dụng	Máy chiếu, máy tính cho giảng viên, sinh viên tham gia nghiên cứu
35.	Phòng LAB rà quét lỗ hổng ATBM - LAB An toàn thông tin	Máy tính, server
36.	Phòng LAB giả lập tấn công ATBM - LAB An toàn thông tin	Máy tính, server
37.	Phòng LAB phân tích mã độc - LAB An toàn thông tin	Máy tính, server
38.	Phòng LAB Toán ứng dụng và tính toán	Máy tính, máy in
39.	Phòng LAB điện tử	Máy tính, máy, wifi, thiết bị điện tử cho giảng viên, sinh viên tham gia nghiên cứu
40.	Phòng LAB viễn thông	Máy tính, máy in, MyTV, màn hình LCD, máy chủ ... cho nghiên cứu và đào tạo
41.	Phòng LAB an toàn thông tin	Máy tính, wifi, Switch 24 port; Smart Tivi Samsung 55 inch UA55K5500; HT cáp mạng LAN...
42.	Phòng Lab vô tuyến	Máy tính, máy in, wifi cho các giảng viên tham gia nghiên cứu
43.	Phòng LAB Samsung	Máy tính, máy chiếu, máy in, node mạng Lan.

### 3.1.2 Thống kê phòng học

TT	Loại phòng	Số lượng
1	Hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ	05
2	Phòng học từ 100 – 200 chỗ	30
3	Phòng học từ 50-100 chỗ	52
4	Số phòng học dưới 50 chỗ	33
5	Số phòng học đa phương tiện	15

### 3.1.3 Thống kê về học liệu (kể cả e-book, cơ sở dữ liệu điện tử) trong thư viện

TT	Nhóm ngành đào tạo	Số lượng			
		Sách	Tạp chí	E-book, CSDL điện tử	Ghi chú
1.	Nhóm ngành I	131			
2.	Nhóm ngành II	95			
3.	Nhóm ngành III	12337	6	01 (CSDL	132.000 đầu sách

TT	Nhóm ngành đào tạo	Số lượng			
		Sách	Tạp chí	E-book, CSDL điện tử (Ebrary)	Ghi chú
					điện tử
4.	Nhóm ngành IV	8164			
5.	Nhóm ngành V	22940	8	01 (CSDL Ebrary)	132.000 đầu sách điện tử
6.	Nhóm ngành VI	5			
7.	Nhóm ngành VII	10092	4	01 (CSDL Ebrary)	132.000 đầu sách điện tử

3.2. Số lượng giảng viên cơ hữu (tính đến 31/12/2016):

Giảng viên cơ hữu theo khối ngành:

STT	Khối ngành	Giáo sư	Phó Giáo sư	Tiến sĩ	Thạc sĩ	Đại học
1	Khối ngành III	1	1	17	48	12
2	Khối ngành V	1	14	49	155	42
3	Khối ngành VII	1	1	5	35	1
	<b>Tổng số</b>	<b>3</b>	<b>16</b>	<b>71</b>	<b>238</b>	<b>55</b>

Giảng viên cơ hữu các môn học chung:

Giáo sư	Phó Giáo sư	Tiến sĩ	Thạc sĩ	Đại học	Tổng giảng viên quy đổi
0	2	9	41	4	67

(Có danh sách kèm theo)

Hà Nội, ngày 09 tháng 02 năm 2017

